

Bản án số: 52/2020/DS-ST.
Ngày: 02-7-2020.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2020/QĐST-DS ngày 03/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (gọi tắt Ngân hàng).

Địa chỉ: Số 4, đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn H; chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ (Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2019).

Địa chỉ nơi làm việc: Số 8, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, ông H có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 và bà Tăng Thị T, sinh năm 1973; cùng nơi cư trú: Số nhà 02, Tổ 03, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, ông N vắng mặt, bà T có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1979; chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1985, cùng nơi cư trú: Số nhà 02, Tổ 03, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, các đương sự vắng mặt.

Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Tùng L, sinh năm 1996; cùng nơi cư trú: Số nhà 02, Tổ 03, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, các đương sự có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2019 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 27/4/2015, ông Nguyễn Văn N và bà Tăng Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số: 0134/2015/HĐTD-CN ngày 27/4/2015 vay của Ngân hàng TMCP P số tiền 180.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng; Ngày 23/6/2016, ông Nguyễn Văn N và bà Tăng Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số: 0399/2016/HĐTD-CN ngày 23/6/2016 vay của Ngân hàng TMCP P số tiền 220.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng, việc vay nợ ông N, bà T có thể chấp tài sản đảm bảo như sau:

- Quyền sử dụng đất số AD 415284, do UBND huyện B cấp ngày 16/5/2006, do ông N đứng tên, theo Hợp đồng thế chấp số: 0134/2015/BĐ ngày 25/4/2015;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 169432, do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 09/6/2016 do ông Nguyễn Thanh B đứng tên, theo Hợp đồng thế chấp số: 0399/2016/BĐ ngày 23/6/2016.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông N, bà T vi phạm là thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày 02/7/2020 ông N bà T còn nợ ngân hàng tổng số tiền 148.298.957 đồng. Trong đó, nợ gốc là 117.520.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.302.134 đồng và nợ lãi quá hạn là 13.476.823 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông N, bà T trả tổng các khoản nợ là 148.298.957 đồng như đã nêu trên và tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong phần nợ gốc.

Bị đơn: Trong các lần hòa giải ông N vắng mặt, tại biên bản hòa giải ngày 12/5/2020, bà T có trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của ngân hàng theo các hợp đồng mà đại diện ngân hàng trình bày là đúng, bà đồng ý trả nợ nhưng do không đủ khả năng để trả ngay, đề nghị ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thanh B, chị Nguyễn Thị K đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; anh Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Tùng L có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn N và bà Tăng Thị T trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký, nên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, bị đơn (ông N) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh B, chị K được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; anh T, anh L có đơn xin vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Giao dịch giữa Ngân hàng TMCP P và ông N, bà T được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định “*Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này*”, do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện cho vay đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn, thể hiện ông N, bà T có vay của Ngân hàng TMCP P, tổng số tiền 400.000.000 đồng là sự thật (Hợp đồng tín dụng số: 0134/2015/HĐTD-CN ngày 27/4/2015 và Hợp đồng tín dụng số: 0399/2016/HĐTD-CN ngày 23/6/2016), khi thực hiện trả nợ theo định kỳ ông N, bà T thực hiện không đúng, tính đến ngày 02/7/2020 ông N, bà T còn nợ ngân hàng số tiền 148.298.957 đồng. Trong đó, nợ gốc là 117.520.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.302.134 đồng và nợ lãi quá hạn là 13.476.823 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số: 0399/2016/HĐTD-CN ngày 23/6/2016, còn Hợp đồng tín dụng số: 0134/2015/HĐTD-CN ngày 27/4/2015 đã được tắt toán, nên ngân hàng kiện yêu cầu ông N, bà T trả số nợ như đã nêu trên

là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Ngân hàng còn yêu cầu ông N, bà T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 03/7/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận. Việc ngân hàng yêu cầu được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nếu ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ là đúng quy định, được chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn và thấy việc xem xét, thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ với số tiền chi phí là 2.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu phần chi phí nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản tiền này nguyên đơn đã tạm nộp trước, buộc bị đơn có trách nhiệm nộp trả lại cho nguyên đơn

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 26 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có ý kiến rằng, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1, Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Tăng Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc là 117.520.000 đồng (*Một trăm mười bảy triệu năm trăm hai chục ngàn đồng*).

- Tiền nợ lãi trong hạn là 17.302.134 đồng (*Mười bảy triệu ba trăm lẻ hai ngàn một trăm ba mươi bốn đồng*).

- Tiền nợ lãi quá hạn là 13.476.823 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi ba đồng*).

Tổng cộng là 148.298.957 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm chín mươi tám ngàn chín trăm năm mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày 03/7/2020 ông N, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 0399/2016/HĐTD-CN ngày 23/6/2016.

Ngân hàng yêu cầu được quyền Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nếu ông N, bà T không thực hiện nghĩa hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng (Tài sản được xử lý theo Hợp đồng thế chấp số: 0134/2015/BĐ ngày 25/4/2015 và Hợp đồng thế chấp số: 0399/2016/BĐ ngày 23/6/2016).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Tăng Thị T phải nộp 7.415.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Tăng Thị T phải nộp 2.000.00 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này được trả cho lại cho Ngân hàng TMCP P.

- Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.650.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0005095 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn (bà T) có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn (ông N) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

Hồ Thanh Hồng

